TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2022
V/v: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ÔngVũ Thanh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Hoàn; ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa:Ông Trần Hải Minh -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:Bà Phan Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022,tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số346/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 30, ngách 28/47, KDC Cương X, phường Tân H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

*2. Bị đơn:*Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số 30, ngách 28/47, KDC Cương X, phường Tân H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

*3. Người làm chứng:*Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957, Nơi cư trú: Số 8/3 phường Phú Th, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Xuân Th trình bày:*Anhvà chị Nguyễn Thị Đ được tự do

tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 20 tháng 06 năm 2008 tại UBND xã Phú Th, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm trong cuộc sống cũng như công việc, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến thường xuyên cãi nhau, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Đến năm 2018, chị Đ đi lao động bên Hàn Quốc. Từ khi đi nước ngoài, chị Đ không liên lạc về và cũng chủ động cắt đứt liên lạc với anh Th. Vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Anh Th xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh Th ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Th và chị Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải L, sinh ngày 16/07/2000 và cháu Nguyễn Tùng G, sinh ngày 20/5/2010. Hiện nay, cháu L và cháu G đều đang sinh sống cùng vớianh Th tại KDC Cương X, phường Tân H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.Khi ly hôn, anh Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu G và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Còn cháu L hiện đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Đ. Tại các biên bản lấy lời khai, bà V trình bày: Chị Đ và anh Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2008 tại UBND xã Phú Th, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương. Năm 2017, chị Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về. Chị Đ đã được bà thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án. Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ nhất trí đồng ý ly hôn anh Th.Về con chung,chị Đ đồng ý đểanh Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tùng G, sinh ngày 20/5/2010do chị chưa thể về nước.Còn cháu L đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.Ngoài ra, chị Đ không có yêu cầu gì khác.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 23037/QLXNC-P5 ngày 01/11/2022 thể hiện: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 16/5/1983, có thông tin xuất cảnh ngày 27/7/2017 bằng hộ chiếu số B7014819 qua cửa khẩu Cát Bi, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, anh Th, chị Đ, bà V đều vắng mặt (anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh Thvà chị Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho anh Nguyễn Xuân Thly hôn chị Nguyễn Thị Đ; về con chung, đề nghị HĐXX giao cho anh Nguyễn Xuân Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tùng G, sinh ngày 20/5/2010.Chị Đkhông phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân Th có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, anh Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Đ vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:Anh Th và chị Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 20 tháng 06 năm 2008 tại UBND xã Phú Th, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm trong cuộc sống cũng như công việc, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2017, chị Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Từ khi đi nước ngoài, chị Đ không hề quan tâm, hỏi han gì đến chồng con và cũng chủ động cắt đứt liên lạc với anh Thvà vợ chồng ly thân từ đó đến nay.HĐXX xét thấy, hôn nhân của anh Th và chị Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh Th ly

hôn với chị Đ là phù hợp quy định tại Điều 51,Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung:Vợ chồng anh Th và chị Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải L, sinh ngày 16/07/2000 và cháu Nguyễn Tùng G, sinh ngày 20/5/2010. Hiện nay,cháu G đang sinh sống cùng bố là anh Nguyễn Xuân Th còn cháu L đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Khi ly hôn,anh Th đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc giao cháu G cho anh Th nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế nhiều năm nay; phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Còn cháu L đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên HĐXX không xem xét.Căn cứ các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu Nguyễn Tùng G cho anh Th nuôi dưỡng. Do anh Thtự nguyện tạm thời chưa yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh Th và chị Đ không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân Th. Xử cho anh Nguyễn Xuân Th ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tùng G, sinh ngày 20/5/2010 từ tháng 12/2022đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Th tự nguyện không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th có quyền khởi kiện yêu cầu chị Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm

nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2021/0001634 ngày 07/10/2022. Anh Th đã nộp đủ án phí.

4.Về quyền kháng cáo: Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Phú Th, thị xã Kinh M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn